

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG
P.HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ
Số: 33 / BVNĐ – P.HCQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Đồng Nai, ngày 06 tháng 6 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi : Các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói dự toán thực hiện dịch vụ thu gom và xử lý rác thải y tế nguy hại năm 2025 của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai – Khu phố 5, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ông : Đinh Thiện Hoà
 - Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính Quản trị
 - Số điện thoại : 0917141145
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc bưu điện.
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai - Khu phố 5, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Thời gian tiếp nhận báo giá
 - Từ 15 giờ 00 ngày 06 tháng 06 năm 2025 đến trước 16h00 ngày 12 tháng 06 năm 2025.
 - Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 13 tháng 06 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục đính kèm

- Ghi chú: Nhà thầu cung cấp bản chính hoặc bản scanner từ bản sao công chứng giấy phép kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật .
- Báo giá thể hiện cụ thể : Mức % thuế VAT và số tiền tương ứng, thời gian dự kiến thực hiện, thời gian bảo hành dịch vụ.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu VT, P.HCQT.

TRƯỞNG PHÒNG



Đinh Thiện Hoà

DANH MỤC CHI TIẾT

(Đính kèm tờ trình số 33/BVNĐ –P.HCQT ngày 06/6/2025 của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai)

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Phương pháp vận chuyển và xử lý	Đvt	Khối lượng/năm
1	Chất thải có chứa các tác nhân gây lây nhiễm: Rác y tế	13 01 01	- Được vận chuyển bằng xe có thùng kín về khu xử lý cự ly $L \leq 60$ km. - Công tác xử lý: thiêu đốt	Kg	120.000
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	- Được vận chuyển bằng xe có thùng kín về khu xử lý cự ly $L \leq 60$ km. - Công tác xử lý: thiêu đốt	Kg	3.000
3	Dược phẩm gây độc tế bào thải	13 01 03	- Được vận chuyển bằng xe có thùng kín về khu xử lý cự ly $L \leq 60$ km. - Công tác xử lý: thiêu đốt.	Kg	48
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	- Được vận chuyển bằng xe có thùng kín về khu xử lý cự ly $L \leq 60$ km. - Công tác xử lý: thiêu đốt.	Kg	180
5	Pin, ắc quy thải bỏ	19 06 01	- Được vận chuyển bằng thùng xe có thùng kín về khu xử lý. Cự ly $L \leq 60$ km. - Công tác xử lý: hóa rắn	Kg	96
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	- Được vận chuyển bằng xe có thùng kín về khu xử lý với cự ly $L \leq 60$ km. - Công tác xử lý: Nghiền, hóa rắn	Kg	1.000
7	Các thiết bị y tế vỡ hỏng có chứa thủy ngân và kim loại nặng	13 03 02	- Được vận chuyển bằng xe có thùng kín về khu xử lý với cự ly $L \leq 60$ km - Công tác xử lý: Thiêu đốt	Kg	30